

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HS-ST
Ngày 28 tháng 12 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tài Văn Trung

2. Ông Trương Thế Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2021/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2021, đối với các bị cáo:

01. LÊ THẾ H, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1986 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng P, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Lê Bá N, sinh năm: 1956 và bà Dương Thị H, sinh năm: 1957; vợ là Trần Thị Y, sinh năm: 1990; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

02. PHẠM VĂN H1, sinh năm 1985 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng Ng, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Phạm Văn M, sinh năm: 1955 (đã chết) và bà Lê Thị C, sinh năm: 1956, vợ là Võ Thị Tố N, sinh năm: 1989; có 2 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

03. RƠ CHÂM PY, sinh năm 1970 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng D, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Jrai; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Rơ Châm P, sinh năm: 1940 và bà Rơ Châm J, sinh năm: 1939; vợ là Siu B, sinh năm: 1970, có 04 người

con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

04. TRỊNH XUÂN D, sinh ngày 27 tháng 3 năm 1987 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trịnh Xuân D1, sinh năm: 1959 và bà Thái Thị V, sinh năm: 1960; chưa có vợ; có 01 tiền án, tại bản án số 48/2011/HSST ngày 01/7/2011 của TAND tỉnh Gia Lai xử phạt 15 năm tù về tội giết người, chấp hành xong vào ngày 03/5/2020; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam vào ngày 16/7/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện G. Có mặt.

- Bị hại: Tổng công ty C, địa chỉ: Số A đường L, phường 8, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông Nguyễn Hữu L1, Phó Phòng tổ chức hành chính Chi nhánh Tổng công ty C – Công ty 1, địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai (theo giấy ủy quyền lại số 338-UQ/CTI-GĐ ngày 27/12/2021 của ông Trần Chí K – Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty C – Công ty 1). Có mặt.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

Bà Võ Thị Tố N, sinh năm 1989, địa chỉ: Làng Ng, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bà Lê Thị H2, sinh năm 1982, địa chỉ: Làng P, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Ông Rơ Châm Th, sinh năm 1985, địa chỉ: Làng D, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bà Siu B, sinh năm 1970, địa chỉ: Làng D, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người làm chứng:

Ông Rơ Châm Th1, sinh năm 1982, địa chỉ: Làng D, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bà Đậu Thị Tr, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người phiên dịch tiếng Jrai: Ông Puih Dj, nơi công tác: Công an huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 2/2021, Lê Thế H đi ra quán nước ở làng D, xã B, huyện G để chơi thì gặp Phạm Văn H1, Rơ Châm Py và Rơ Châm Th1 đang ngồi uống rượu ở đó. Trong lúc ngồi chơi, đang nói chuyện làm ăn về việc đi thu mua

củi thì H nói còn chân nào không cho đi với, Th1 nói thích thì mai đi. Sáng hôm sau, H cùng với H1 và Py đi làm thì xe bị hư nên đi về. H với H1 đi xe máy về trước, khi đi qua lô cà phê bị bỏ hoang có cây muồng đen chắn gió, H nói là lô này bỏ rồi gần hết anh em mình làm.

Đến khoảng 19 giờ ngày 10/02/2021, sau khi đi ăn tất niên về, H gọi điện cho H1 rủ đi cắt trộm cây muồng đen tại vị trí trước đó đã chỉ và hỏi H1 چرا ده đầu thì H1 nói để tại nhà Py.

Sau đó, H đi đến nhà gặp Py mới đi chơi về và hỏi vị trí để چرا. Một lúc sau H1 đi đến nhà Py, H1 hỏi Byiuh là xe (xe độ được độ chế từ xe công nông có vô lăng và dây cáp) còn dầu không? Byiuh nói chưa kiểm tra nên không biết, H1 kiểm tra thì nói hết rồi, H nói đi mua đi, H1 nói không có tiền, H nói ra quán vay tạm đi mai trả. H mài xong چرا thì cầm چرا lốc và xăng mà H mua trước đó đi khỏi nhà Py. H1 nói với Py là khi nào H1 gọi thì chạy xe vào để chở cây Muồng.

Sau khi lấy چرا đi thì khoảng 21 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81T1-1048, hiệu honda Waves mượn của chị Lê Thị H2 đến thôn H, xã B, G thì thấy Trịnh Xuân D đang nhậu gần nhà D thì H nói nhỏ và rủ D đi cắt cây muồng, D nói thích thì đi. H chở D đến lô cà phê của Công ty 1 tại thôn H, xã B, huyện G, lô cà phê này đang cho chị Đậu Thị Tr thuê khoán nhưng chị Tr đã không còn canh tác mà giao lại cho Công ty. Tại đây, D biết H đi trộm cây muồng, D đứng ngoài xe canh gác, còn H nổ máy چرا để چرا cây muồng đen. Sau khi چرا được 02 cây muồng đen, H không thấy H1 và Byiuh vào nên H gọi điện cho H1 hỏi xe đâu rồi sao lâu thế thì H1 nói người ta không cho vay tiền để H1 chạy xuống cây xăng mua nợ, H nói H1 cầm چرا can nhớt thải.

Sau đó, H1 chạy đi mua dầu mang đến nhà Py và Py đổ vào xe ô tô độ. H1 lấy 01 چرا máy và 01 can nhớt tại nhà Py và dặn Py khi nào gọi thì vào chở cây thì vào, rồi H1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81B1-207.20 nhãn hiệu Tender của chị Võ Thị Tố N vào chỗ H, D đang چرا muồng đen.

Đến khoảng 21 giờ 30, H1 điều khiển xe mô tô đến chỗ H. H không thấy xe độ đâu nên hỏi xe độ đâu rồi thì H1 nói xe đang đi sau. H1 đổ nhớt vào چرا của H, rồi cùng nhau چرا thêm 04 cây muồng đen. Sau đó, H1 gọi điện cho Byiuh điều khiển xe ô tô độ đi vào. H và H1 cắt cành ngọn của 06 cây muồng đen cho gọn rồi cắt ra thành 10 lóng cho dễ vận chuyển. Byiuh điều khiển xe ô tô độ vào tới nơi thì Byiuh ngồi trên xe thả dây tời xuống, H và H1 gắn dây vào các khúc muồng đen چرا được, D đứng trên xe kéo dây đưa các khúc muồng lên và tháo dây. Khi thấy thùng xe đầy, H1 nói đi đổ đi rồi tí quay lại kéo tiếp. Sau đó, H1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81B1-207.20 dẫn đường cùng với D và Byiuh đi đổ cây tại đoạn đường thuộc làng Ng, xã B, còn H ở lại. Lúc sau, H1, D và Py quay lại, tất cả tiếp tục kéo số lóng muồng đen còn lại lên xe. Sau đó, H chở D còn H1 thì đi xe mô tô đi trước dẫn đường, Byiuh điều khiển xe ô tô độ chở muồng đi theo sau. Tất cả đến gần chỗ đổ số lóng muồng đen lần đầu và đổ tại đó, rồi đi về nhà ngủ.

Ngày 11/02/2021, chị Đậu Thị Tr đến rẫy cà phê của mình thì thấy bị cưa 06 cây muồng đen nhưng do đúng vào đúng dịp tết nguyên đán nên chưa trình báo Công an được nên đến ngày 03/3/2021 chị Tr đã đến trình báo cơ quan Công an.

Tại biên bản kiểm tra hiện trường ngày 29/3/2021 xác định hiện trường có 06 gốc cây bị chặt hạ, gỗ đã bị kéo đi nơi khác, chỉ còn lại các gốc chặt và để có cơ sở xác định khối lượng gỗ củi bị thiệt hại của 06 gốc chặt, đã tiến hành đo đếm các điều kiện tương quan của các cây cùng chủng loại trong khu vực để xác định hệ tương quan và tra biểu thể tích cây đứng xác định khối lượng gỗ củi bị thiệt hại; qua tính toán thì khối lượng gỗ củi bị thiệt hại của 06 gốc chặt trên là 2,863m² gỗ và 0,292 Ster củi.

Kết luận định giá tài sản số 24 ngày 20/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự G: xác định giá trị của 2,863m² gỗ cây muồng và 0,292 Ster củi cây muồng tại thời điểm phát hiện ngày 10/02/2021 có giá 6.985.4000đ.

Vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 điện thoại màu đen hiệu nokia đã qua sử dụng, 01 điện thoại màu đen hiệu Xphone, 01 máy cưa màu đỏ đã tháo đi nhiều bộ phận và đèn máy cưa đã vứt đi do hư hỏng, 01 xe độ chế không xác định được số khung, số máy và biển kiểm soát, 01 máy cưa lốc màu đỏ, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu xanh đen và 10 lóng gỗ muồng đen.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý 10 lóng gỗ muồng đen bằng cách trả lại cho Chi nhánh Tổng công ty C - Công ty 1 là đơn vị đang quản lý tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Bị can H, D, Py, H1 đã bồi thường cho Chi nhánh Tổng công ty C - Công ty 1 số tiền 18.000.000đ, mỗi bị cáo góp 4.500.000đ. Đại diện Tổng công ty C là ông Trần Chí K (sinh năm: 1966, chỗ ở: thôn Tân An, xã Ia Sao, huyện G) không có yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với chị Lê Thị H2 là người cho bị cáo H mượn xe mô tô biển kiểm soát 81T1-1048, hiệu honda Waves và Võ Thị Tố N cho bị cáo H1 lấy xe mô tô biển kiểm soát 81B1-207.20 nhãn hiệu Tender sử dụng. Khi H1 và H lấy xe mô tô sử dụng thì chị H2 và chị N không biết các bị cáo sử dụng phục vụ việc trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm đối với chị H2 và chị N.

Tại bản Cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 02/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Lê Thế H, Phạm Văn H1, Rơ Châm Pyuih, Trịnh Xuân D về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại Kết luận giám định ngày 03/11/2021 của Giám định viên Hạt kiểm lâm huyện G xác định khối lượng gỗ có giảm so với kết quả khám nghiệm hiện trường do thay đổi cách tính hệ số tận thu (từ 10% thành 7,5%) nên khối lượng gỗ, củi bị thiệt hại được xác định là 0,868m³ gỗ loại từ 25-34cm, 15,585m³ gỗ từ 35-49cm, 0,3-7m³ gỗ cành ngọn và 0,292m³ củi, nên giá trị chiếm đoạt được xác định là

6.923.600đ.

Về diễn biến tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị tuyên các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H mức án từ 10 đến 12 tháng tù, bị cáo H1 và bị cáo Py mức án từ 08 đến 10 tháng tù, cho các bị cáo hưởng án treo. Áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ Luật Hình sự xử phạt bị cáo D mức án từ 10 đến 12 tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước các điện thoại, máy cưa, xe độ mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, riêng 01 điện thoại Nokia màu đen trả lại cho chị N.

- Các bị cáo H, H1, Py và D thừa nhận hành vi cưa và vận chuyển cây Muồng đúng như cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo H, H1, D thừa nhận đây là hành vi trộm cắp cây Muồng. Bị cáo H, H1 xác định trước ngày đi trộm cắp thì bị cáo H có rủ bị cáo H1 và bị cáo Py đi cưa cây Muồng. Bị cáo Hà xác định có dặn bị cáo Py điều khiển xe độ chạy vào sau để tránh ồn ào bị phát hiện.

- Bị cáo Py thừa nhận có tham gia đi chở cây Muồng với các bị cáo khác, thừa nhận đây là việc làm không đúng nhưng các bị cáo khác không có nói với bị cáo là đi cưa trộm cây Muồng mà chỉ được bị cáo H1 kêu đi chở cây Muồng thuê.

- Đối với xe độ, bị cáo Py và bà Siu B cho rằng là tài sản bị cáo Py mua từ tiền bán đất của con trai là Rơ Châm Th nên đề nghị không tịch thu, trả lại cho Rơ Châm Th. Bà Siu B xác định không có công sức đóng góp để mua xe độ này. Ông Rơ Châm Th cho rằng xe do bị cáo Py trực tiếp mua từ tiền bán đất của ông Th, sau khi ông Th có vợ thì ông Py có đưa cho ông Th sử dụng để cà phê, lúa; ông Th cho rằng đây là xe của ông nên đề nghị không tịch thu, trả lại cho ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện G, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên tất cả đều hợp pháp và không có ý kiến, khiếu nại.

[2] Trong giai đoạn điều tra và truy tố, việc xác định Công ty 1 tham gia tố tụng với tư cách bị hại và giám đốc chi nhánh tham gia với tư cách là đại diện hợp pháp của bị hại là chưa chính xác, vì Công ty 1 là chi nhánh của Tổng công ty C

nên Tổng công ty C là bị hại. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị hại có ủy quyền cho giám đốc Công ty 1 tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, người được ủy quyền lại của giám đốc Công ty 1 thống nhất với ý kiến và toàn bộ hoạt động tố tụng mà giám đốc Công ty 1 đã trình bày trước đây, do đó vẫn đảm bảo quyền và nghĩa vụ của bị hại mà không cần thiết phải tiến hành lại các hoạt động tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo H, H1, D khai nhận đã cùng nhau và cùng với bị cáo Py thực hiện hành vi cưa và chiếm đoạt 06 cây Muồng đúng như cáo trạng đã truy tố, lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại hồ sơ vụ án, vật chứng thu giữ, kết quả khám nghiệm hiện trường.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Py thừa nhận có tham gia thực hiện hành vi chở cây Muồng nhưng cho rằng mình không bàn bạc đi cưa trộm cây Muồng mà chỉ đi chở cây để lấy tiền công.

[4] Xét lời khai của bị cáo Pyuih thì thấy rằng: Tại phiên tòa, các bị cáo H và H1 đều xác định trước ngày đi trộm cây Muồng đã nói với bị cáo Pyuih về việc đi cưa cây; bị cáo H1 xác định có nói bị cáo Pyuih điều khiển xe độ chạy vào sau để tránh ồn ào bị phát hiện; bị cáo Py chứng kiến việc các bị cáo H, H1 chuẩn bị cưa, kiểm tra dầu nhớt trên xe độ nên đủ căn cứ xác định bị cáo nhận thức được các bị cáo H, H1 chuẩn bị dụng cụ, phương tiện để đi cưa cây. Bị cáo cho rằng đi chở cây thuê nhưng không xác định được tiền công thuê mà xác định đến khi bán cây sẽ thanh toán tiền, do đó không có cơ sở xác định đây là việc chở thuê mà là việc ăn chia sau khi bán cây. Thời điểm đi cưa cây diễn ra vào lúc trời tối, từ 21 giờ đến khoảng 01 giờ sáng hôm sau, bị cáo đủ khả năng nhận thức được đây là thời điểm không bình thường trong thực tế khách quan. Địa điểm khi cưa và chở cây là khu vực vườn cà phê, là khu vực cây do người khác trồng không phải là rừng tự nhiên. Sau đó, bị cáo đã vận chuyển cây Muồng từ nơi cưa hạ đến khu vực đất trống khác, đây là việc mang tài sản đi khỏi nơi trộm cắp để cất giấu. Từ các tình tiết khách quan nêu trên và lời khai của các bị cáo H và bị cáo H1, mặc dù bị cáo Py cho rằng không được rủ đi cắt trộm cây Muồng mà chỉ được nhờ đi chở cây, tuy nhiên đủ cơ sở xác định bị cáo Pyuih nhận thức được việc các bị cáo khác cưa cây Muồng là trộm cắp tài sản và bị cáo đồng ý tham gia vào việc chở cây Muồng đến nơi cất giấu, đây là sự thống nhất ý chí từ bên trong giữa hành vi và mục đích, là hành vi đồng phạm với các bị cáo khác trong việc trộm cắp các cây Muồng này.

[5] Dủ căn cứ xác định các bị cáo đã lợi dụng trời tối, vườn cà phê không có người chăm sóc nên cùng nhau thực hiện hành vi lén lút cưa hạ và chiếm đoạt 06 cây gỗ Muồng đúng như Cáo trạng đã truy tố.

[6] Xét các bị cáo đã xâm phạm trái phép đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là trái pháp luật nhưng đã cố ý thực hiện. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị là 6.923.600đ, đã phạm vào “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[7] Xét các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài bất chính, cố ý thực hiện hành vi phạm tội, có sự bàn bạc,

chuẩn bị từ trước nên cần xử lý trách nhiệm hình sự bằng hình phạt tù để cải tạo, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác, thành người tốt và đấu tranh phòng ngừa chống tội phạm. Trong vụ án có nhiều người tham gia thực hiện tội phạm nhưng mang tính đồng phạm giản đơn, mặc dù có ý định từ trước nhưng chỉ mang tính cơ hội, lợi dụng vườn cà phê không có người chăm sóc nên trộm cắp cây Muồng trồng chắn gió, đều là người thực hành, trong đó vai trò và mức độ nguy hiểm của bị cáo H là cao nhất khi là người khởi xướng, tiếp đến là bị cáo H1, bị cáo Py và bị cáo D là người có vai trò thấp nhất.

[8] Bị cáo Trịnh Xuân D là người có tiền án nhưng tái phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại, đồng thời đã bồi thường khắc phục hậu quả bị thiệt hại, được bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo H, H1, Py phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Xét các bị cáo H, H1 và Pyuih là những người có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, giá trị tài sản chiếm đoạt không cao, bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành ngay hình phạt tù, mà cho hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong một thời gian thử thách cũng đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật và tôn trọng các quy tắc trong cuộc sống, phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[11] Đối với bị cáo D là người có nhân thân xấu, đã bị kết án chưa xóa án tích, không tu dưỡng, rèn luyện mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên cần thiết phải xử lý buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có vai trò và mức độ nguy hiểm thấp nhất nên xử phạt bị cáo mức án tù ở mức thấp nhất của khung hình phạt đã phạm.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được nhận lại tài sản và được bồi thường thiệt hại, không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không buộc các bị cáo phải tiếp tục bồi thường.

[13] Về vật chứng:

[14] Đối với các điện thoại do bị cáo H, Py sử dụng để liên lạc và máy cưa thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với 01 điện thoại di động do bị cáo H1 mượn của chị N và chị N không có lỗi nên trả lại cho chị N.

[15] Đối với xe độ chế mà bị cáo Py sử dụng vào việc trộm cắp tài sản, tại phiên tòa, bị cáo Py, bà Siu B, ông Rơ châm Th đề nghị không tịch thu mà trả lại

xe cho ông Th nhưng ngoài lời khai thì không có chứng cứ nào khác chứng minh là xe của ông Th. Xét lời khai của bị cáo Py và ông Th về việc xác định chủ sở hữu xe độ có mâu thuẫn, lời khai tại hồ sơ vụ án ngày 04/3/2021 bị cáo xác định là xe của mình mua vào năm 2011; lời khai ngày 03/7/2021, bị cáo thay đổi lời khai, cho rằng là xe của con trai; lời khai ngày 16/11/2021, bị cáo lại khai là xe của mình. Sau khi bị cáo Py thay đổi lời khai, thì tại bản tự khai ngày 05/8/2021, ông Th khai mình là người mua xe nhưng tại bản tự khai ngày 17/11/2021, ông Th lại khai là xe của bố mẹ và khi thấy ông không có phương tiện để chở lúa, cà phê thì đưa cho ông sử dụng, lời khai này phù hợp với lời khai tại phiên tòa. Không có căn cứ để xác định lời khai về việc xác định xe độ của ông Th là đúng sự thật mà chỉ có căn cứ xác định xe do bị cáo Py trực tiếp mua và tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội đang do ông Py quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa, bà Siu B xác định không có công sức đóng góp, không phải là tài sản của mình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tài sản của bị cáo Py, đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công.

[16] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thế H, Phạm Văn H1, Rơ Châm Py và Trịnh Xuân D phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thế H 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Thế H cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Thế H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn H1 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Phạm Văn H1 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Rơ Châm Py 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Rơ Châm Py cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Rơ Châm Py cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Xuân D 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2021.

- Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh đen; 01 cửa lóc cầm tay màu đỏ theo hiện trạng chỉ còn một phần, đã tháo đi nhiều bộ phận, không có đèn máy cửa; 01 cửa lóc màu đỏ; 01 xe độ chế, không xác định được số khung, số máy, biển kiểm soát.

Trả lại cho chị Võ Thị Tố N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen.

Vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ghi ngày 02/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc mỗi bị cáo Lê Thế H, Phạm Văn H1, Rơ Châm Py và Trịnh Xuân D phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Công an huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- L1 hồ sơ vụ án;
- L1 Tòa án.

Nguyễn Văn Huy

